

Số : 895 /BC-STC

An Giang, ngày 29 tháng 6 năm 2020

## BÁO CÁO

### Tình hình giá cả thị trường tháng 06/2020 và công tác quản lý giá

#### I. Tình hình giá cả thị trường tháng 06/2020:

Theo số liệu của Cục Thống kê, tháng 06/2020 CPI của tỉnh An Giang tăng 0,78% so tháng trước, tăng 0,21% so tháng 12/2019, so cùng kỳ năm trước tăng 4,17%. Tính chung CPI bình quân 06 tháng đầu năm 2020 so cùng kỳ tăng 4,7%.

CPI tháng 06/2020 tăng chủ yếu do: Giá một số mặt hàng tăng, nhiều nhất là giá giao thông, trong đó tăng nhiều nhất là nhiên liệu xăng dầu nguyên nhân do ảnh hưởng của giá xăng dầu thế giới...; Bên cạnh đó hình hình giá bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng ở các chợ cũng giao động tăng, giảm tùy mặt hàng. Giá vàng giao động theo chiều hướng tăng và giá đô la giao động theo chiều hướng giảm, giá tăng giảm do ảnh hưởng thị trường thế giới.

Chỉ số giá của các nhóm hàng chính như sau:

STT	Nhóm hàng	Chỉ số giá tháng 06/2020 so với (%)				
		Kỳ gốc năm 2014	Cùng tháng năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng trước	Bình quân cùng kỳ
	<b>Chỉ số chung</b>	<b>116,89</b>	<b>104,17</b>	<b>100,21</b>	<b>100,78</b>	<b>104,70</b>
I	Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	121,64	110,04	103,74	100,71	108,95
1	Lương thực	116,51	105,35	104,63	99,50	102,32
2	Thực phẩm	124,99	113,47	103,35	101,16	112,70
3	Ăn uống ngoài gia đình	118,77	106,91	103,98	100,47	106,09
II	Đồ uống và thuốc lá	112,38	105,87	102,94	100,84	104,87
III	May mặc, mũ nón, giày dép	110,67	101,07	100,86	100,07	101,11
IV	Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	124,85	101,87	98,92	99,22	103,69
V	Thiết bị và đồ dùng gia đình	105,65	101,36	100,43	100,05	101,30
VI	Thuốc và dịch vụ y tế	232,51	103,48	100,45	100,04	103,16
	58. Dịch vụ Y tế	284,78	103,16	100,00	100,00	103,16
VII	Giao thông	73,86	81,96	82,45	106,46	90,72
VIII	Bưu chính viễn thông	92,96	100,10	100,00	100,00	99,94
IX	Giáo dục	128,79	102,54	100,00	100,00	102,62
	69. Dịch vụ giáo dục	134,20	102,54	100,00	100,00	102,54
X	Văn hóa, giải trí và du lịch	114,47	101,23	100,37	99,87	100,34
XI	Hàng hóa và dịch vụ khác	111,70	101,51	99,47	100,04	102,21
	<b>Chỉ số giá vàng</b>	<b>144,27</b>	<b>129,09</b>	<b>116,44</b>	<b>102,78</b>	<b>122,93</b>
	<b>Chỉ số giá đô la Mỹ</b>	<b>110,24</b>	<b>99,54</b>	<b>101,14</b>	<b>99,37</b>	<b>100,22</b>

\*. Diễn biến giá cả một số mặt hàng chủ yếu sau :

#### 1. Lương thực - thực phẩm:

a) Giá bán lẻ: thu thập giá trực tiếp tại các chợ trên địa bàn tỉnh An Giang.



- Mặt hàng gạo có biến động so tháng trước: Gạo tẻ thường có mặt hàng gạo sóc thường giá 13.000đồng/kg (+125đồng/kg); Gạo tẻ ngon thông dụng có mặt hàng gạo thơm Jasmine An Gia giá 15.550đồng/kg (+750đồng/kg).

- Mặt hàng thịt tươi sống: Giá bán giảm so tháng trước (Mặt hàng thịt heo giảm 2.500đồng/kg và tim lợn tươi giảm 5.000đồng/kg).

- Mặt hàng thịt gia cầm: ổn định so tháng trước.

- Các mặt hàng cá: ổn định so tháng trước.

- Tôm càng xanh nuôi nước ngọt: giá 233.750đồng/kg (+6.250đồng/kg)

- Các mặt hàng rau, bắp cải tháng này bình quân giá dao động giảm so tháng trước chỉ có Bắp cải trắng tăng 1.500đồng/kg.

- Mặt hàng trái cây: Xoài cát Hòa Lộc giá tăng 46.250đồng/kg (+1.250đồng/kg); Cam xoàn 36.250đồng/kg (+1.250đồng/kg).

- Mặt hàng đường cát trắng: giá bán lẻ bình quân đường cát trắng loại 1 là 14.000đồng/kg (-500đồng/kg), đường cát trắng RE Biên Hòa ổn định 20.000đồng/kg.

- Các loại thực phẩm khác: giá ổn định so tháng trước

b) Giá bán buôn: thu thập từ các Công ty trên địa bàn tỉnh

- Giá bán buôn lúa, gạo dao động tăng, giảm nhẹ so tháng trước: Giá bán buôn mặt hàng lúa khô là 5.425đồng/kg (-600đồng/kg), các mặt hàng gạo nhiên liệu, gạo thành phẩm và thành phẩm xuất khẩu tăng nhẹ so tháng trước (từ 304 – 399đồng/kg).

- Giá cá tra nuôi hầm thịt trắng: Bình quân tháng này tiếp tục tăng nhẹ so tháng trước giá cá loại 0,7kg – 0,9kg giá 17.900đồng/kg (+100đồng/kg), loại 1kg giá 17.500đồng/kg (+250đồng/kg).

- Giá mua heo hơi tháng này giảm so tháng trước 87.400đồng/kg (-4.038đồng/kg).

- Giá đường cát trắng loại 1 giá còn 11.863 đồng/kg (-213đồng/kg)

## **2. Vật tư nông nghiệp:**

- Giá bán buôn các loại giống như lúa, dưa hấu, đậu xanh, dưa leo, khổ qua... giá ổn định so tháng trước;

- Các loại vacxin, thuốc trừ bệnh, trừ cỏ, ...: Giá ổn định so tháng trước; riêng giá thuốc trừ bệnh Fuan 40EC giá bán lẻ tăng 68.500đồng/chai (+750đồng/chai).

- Phân đạm, NPK: Giá giảm so tháng trước.

## **3. Đồ uống:**

Các loại nước khoáng, bia, cà phê: giá bán lẻ ổn định so tháng trước.

## **4. Vật liệu xây dựng, chất đốt, nước sinh hoạt:**

- Giá thép xây dựng Pomina: ổn định so tháng trước.